ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 71 /2026/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định chuẩn nghèo đa chiều Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2027 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cư trú số 68/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 25042/TTr-SNNMT-NTM&GN ngày 06 tháng 8 năm 2026;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định quy định chuẩn nghèo đa chiều Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2027 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định chuẩn nghèo đa chiều Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2027 - 2030.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của Luật Cư trú.

b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Chuẩn nghèo đa chiều Thành phố giai đoạn 2027 - 2030

1. Tiêu chí đo lường chuẩn nghèo đa chiều Thành phố giai đoạn 2027 - 2030

a) Tiêu chí thu nhập

Nhóm 1: thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình là 3.500.000 đồng/người/tháng.

Nhóm 2: thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình là 4.300.000 đồng/người/tháng.

b) Chiều, chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt về dịch vụ xã hội cơ bản

Chiều thiếu hụt Việc làm gồm: chỉ số Việc làm, chỉ số Người phụ thuộc trong hộ gia đình.

Chiều thiếu hụt Y tế gồm: chỉ số Bảo hiểm y tế, chỉ số Dinh dưỡng.

Chiều thiếu hụt Giáo dục gồm: chỉ số Trình độ giáo dục của người lớn, chỉ số Tình trạng đi học của trẻ em.

Chiều thiếu hụt Nhà ở gồm: chỉ số Diện tích nhà ở bình quân đầu người, chỉ số Chất lượng nhà ở.

Chiều thiếu hụt Thông tin gồm: chỉ số Sử dụng dịch vụ viễn thông, dịch vụ số cơ bản.

Chiều thiếu hụt Nước sinh hoạt, vệ sinh và môi trường gồm: chỉ số Nước sinh hoạt, chỉ số Nhà tiêu (công trình phụ) hợp vệ sinh, chỉ số Xử lý rác thải.

c) Quy định danh sách phường, xã, đặc khu nhóm 1, nhóm 2 tại Phụ lục I và quy định đo lường các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Đối với phường, xã, đặc khu thuộc nhóm 1

Hộ nghèo là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người từ 3.500.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

Hộ cận nghèo là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người từ 3.500.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

b) Đối với phường, xã thuộc nhóm 2

Hộ nghèo là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người từ 4.300.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

Hộ cận nghèo là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người từ 4.300.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

3. Trường hợp có thay đổi tên gọi, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc điều chỉnh địa giới hành chính đối với phường, xã, đặc khu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này thì việc áp dụng tiêu chí thu nhập được thực hiện như sau:

a) Trường hợp đơn vị hành chính sau thay đổi được hình thành từ một hoặc nhiều đơn vị hành chính cùng thực hiện một nhóm tiêu chí thu nhập thì tiếp tục áp dụng theo nhóm tiêu chí trước khi thay đổi.

b) Trường hợp đơn vị hành chính sau thay đổi được hình thành từ các đơn vị hành chính thực hiện các nhóm có tiêu chí thu nhập khác nhau thì áp dụng theo tiêu chí nhóm 2.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

2. Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu áp dụng giai đoạn 2022 - 2025; Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về quy định chuẩn nghèo đa chiều của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu áp dụng giai đoạn 2022 - 2025 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố;
- Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND phường, xã, đặc khu;
- VPUB: các PCVP;
- Phòng: VX, ĐT, TH;
- Lưu: VT, (VX,MT.Tấn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Cường

PHỤ LỤC I

Danh sách phường, xã, đặc khu Nhóm 1, Nhóm 2 thực hiện tiêu chí thu nhập trong chuẩn nghèo đa chiều Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2027 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 71 /2026/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

*

Nhóm	Tiêu chí thu nhập	Các phường, xã, đặc khu thực hiện tiêu chí thu nhập
Nhóm 1	Thu nhập bình quân đầu người: 3.500.000 đồng/người/tháng	Đông Hòa, Dĩ An, Tân Đông Hiệp, An Phú, Bình Hòa, Lái Thiêu, Thuận An, Thuận Giao, Thủ Dầu Một, Phú Lợi, Chánh Hiệp, Bình Dương, Hòa Lợi, Thới Hòa, Phú An, Tây Nam, Long Nguyên, Bến Cát, Chánh Phú Hòa, Vĩnh Tân, Bình Cơ, Tân Uyên, Tân Hiệp, Tân Khánh, Vũng Tàu, Tam Thắng, Rạch Dừa, Phước Thắng, Tân Hải, Tân Phước, Phú Mỹ, Tân Thành, Bà Rịa, Long Hương, Tam Long, Thường Tân, Bắc Tân Uyên, Phú Giáo, Phước Hòa, Phước Thành, An Long, Trừ Văn Thố, Bàu Bàng, Long Hòa, Thanh An, Dầu Tiếng, Minh Thạnh, Phước Hải, Đất Đỏ, Bình Giã, Xuân Sơn, Hồ Tràm, Xuyên Mộc, Hòa Hội, Bàu Lâm, Hòa Hiệp, Bình Châu, Long Sơn, Châu Pha, Kim Long, Châu Đức, Ngãi Giao, Nghĩa Thành, Long Hải, Long Điền, Côn Đảo.
Nhóm 2	Thu nhập bình quân đầu người: 4.300.000 đồng/người/tháng	Sài Gòn, Tân Định, Bến Thành, Cầu Ông Lãnh, Bàn Cờ, Xuân Hòa, Nhiêu Lộc, Xóm Chiếu, Khánh Hội, Vĩnh Hội, Chợ Quán, An Đông, Chợ Lớn, Bình Tây, Bình Phú, Bình Tiên, Phú Lâm, Tân Thuận, Phú Thuận, Tân Mỹ, Tân Hưng, Chánh Hưng, Phú Định, Bình Đông, Diên Hồng, Vườn Lài, Hòa Hưng, Minh Phụng, Bình Thới, Hòa Bình, Phú Thọ, Đông Hưng Thuận, Trung Mỹ Tây, Tân Thới Hiệp, Thới An, An Phú Đông, An Lạc, Tân Tạo, Bình Tân, Bình Trị Đông, Bình Hưng Hòa, Gia Định, Bình Thạnh, Bình Lợi Trung, Thạnh Mỹ Tây, Bình Quới, Hạnh Thông, An Nhơn, Gò Vấp, An Hội Đông, Thông Tây Hội, An Hội Tây, Đức Nhuận, Cầu Kiệu, Phú Nhuận, Tân Sơn Hòa, Tân Sơn Nhất, Tân Hòa, Bảy Hiền, Tân Bình, Tân Sơn, Tân Thạnh, Tân Sơn Nhì, Phú Thọ Hòa, Tân Phú, Phú Thạnh, Hiệp Bình, Thủ Đức, Tam Bình, Linh Xuân, Tăng Nhơn Phú, Long Bình, Long Phước, Long Trường, Cát Lái, Bình Trưng, Phước Long, An Khánh, Vĩnh Lộc, Tân Vĩnh Lộc, Bình Lợi, Tân Nhựt, Bình Chánh, Hưng Long, Bình Hưng, Bình Khánh, An Thới Đông, Cần Giờ, Thạnh An, Củ Chi, Tân An Hội, Thái Mỹ, An Nhơn Tây, Nhuận Đức, Phú Hòa Đông, Bình Mỹ, Đông Thạnh, Hóc Môn, Xuân Thới Sơn, Bà Điểm, Nhà Bè, Hiệp Phước.

PHỤ LỤC II

Quy định đo lường các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trong chuẩn nghèo đa chiều Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2027 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 71 /2026/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

*

Các chiều thiếu hụt	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản	Ngưỡng thiếu hụt
1. Việc làm	Việc làm	Hộ gia đình có ít nhất một người không có việc làm (người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động, sẵn sàng/mong muốn làm việc nhưng không tìm được việc làm); hoặc có việc làm công ăn lương nhưng không có hợp đồng lao động*. *(*) Xem xét cho việc làm thường xuyên, đều đặn, mang tính chất ổn định hoặc tương đối ổn định.*
	Người phụ thuộc trong hộ gia đình	Hộ gia đình có tỷ lệ người phụ thuộc trong tổng số nhân khẩu lớn hơn 50%. Người phụ thuộc bao gồm: trẻ em dưới 16 tuổi; người cao tuổi hoặc người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng.
2. Y tế	Dinh dưỡng	Hộ gia đình có ít nhất một trẻ em dưới 16 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao theo tuổi hoặc suy dinh dưỡng cân nặng theo tuổi.
	Bảo hiểm y tế	Hộ gia đình có ít nhất một người từ đủ 6 tuổi đến 75 tuổi hiện không có bảo hiểm y tế.
3. Giáo dục	Trình độ giáo dục của người lớn	Hộ gia đình có ít nhất một người trong độ tuổi từ 16 tuổi đến 30 tuổi không tham gia các khóa đào tạo hoặc không có bằng cấp, chứng chỉ giáo dục đào tạo so với độ tuổi tương ứng [Người từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi đang học hoặc đã tốt nghiệp trung học cơ sở; từ 18 tuổi đến 30 tuổi đang học hoặc đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc sơ cấp/trung cấp/cao đẳng nghề; hoặc người từ 16 tuổi đến 30 tuổi được doanh nghiệp tuyển dụng và chứng nhận đào tạo nghề tại chỗ (hình thức vừa học vừa làm)].
	Tình trạng đi học của trẻ em	Hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em từ 3 tuổi đến dưới 16 tuổi không được học đúng bậc, cấp học phù hợp với độ tuổi (trẻ từ 3 tuổi đến dưới 6 tuổi được tiếp cận giáo dục mầm non, trẻ từ 6 tuổi đến dưới 12 tuổi được tiếp cận giáo dục tiểu học và trẻ từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi được tiếp cận giáo dục trung học cơ sở).
4. Nhà ở	Chất lượng nhà ở	Hộ gia đình đang sống trong ngôi nhà/căn hộ thuộc loại không bền chắc (trong ba kết cấu chính là nền - móng, khung - tường, mái thì có ít nhất hai kết cấu được làm bằng vật liệu không bền chắc).

Các chiều thiếu hụt	Chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản	Ngưỡng thiếu hụt
	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	Diện tích nhà ở bình quân đầu người của hộ gia đình nhỏ hơn $8m^2$.
5. Thông tin	Sử dụng dịch vụ viễn thông, dịch vụ số cơ bản	Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng dịch vụ internet và các dịch vụ số cơ bản
6. Nước sinh hoạt, vệ sinh và môi trường	Nước sinh hoạt	Hộ gia đình chưa được sử dụng nước sinh hoạt theo quy chuẩn.
	Nhà tiêu (công trình phụ) hợp vệ sinh	Hộ gia đình không sử dụng nhà tiêu (công trình phụ) hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn.
	Xử lý rác thải	Hộ gia đình xử lý rác thải không bảo đảm vệ sinh môi trường (không sử dụng dịch vụ thu gom rác thải).